

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Sửu
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T

Địa chỉ trụ sở: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc P, Giám đốc Quỹ tín dụng T;
Có mặt.

(Theo Giấy ủy quyền số 02/UQ-QTDND ngày 06/6/2019)

- Bị đơn: Ông Lê Đăng T, sinh năm 1960; vắng mặt.

Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1968; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: thôn 1, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Ngọc P trình bày:

Ngày 27/12/2016 ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th có ký với Quỹ tín dụng nhân dân T (gọi tắt là Quỹ tín dụng) Hợp đồng tín dụng số 2016-2-00730 vay số tiền gốc là 400.000.000đ, lãi xuất thỏa thuận 1,15%/tháng, lãi xuất quá hạn 1,725%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng với mục đích mua xe ô tô tải, trả lãi hàng tháng, tiền gốc trả nợ làm 2 lần: trả lần 1 là 200.000.000đ vào ngày 27/12/2017, trả lần 2 là 200.000.000đ vào ngày 27/12/2018.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và T sản gắn liền với đất của ông T, bà Th tại thửa đất số 1448a, tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 816658 do UBND huyện Thọ Xuân cấp ngày 21/4/2010, địa chỉ thửa đất: thôn 1, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa mang tên người sử dụng đất là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th. Tuy nhiên giữa hai bên không ký lại Hợp đồng thế chấp do trước đó ông T, bà Th có vay tiền của Quỹ tín dụng nhiều lần và hiện tại giữa hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BA 816658/2015/HĐTC ngày 28/12/2015 tại Văn phòng công chứng Thọ Xuân và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thọ Xuân theo quy định, nên không ký lại hợp đồng thế chấp mà sử dụng luôn Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BA 816658/2015/HĐTC ngày 28/12/2015 để đảm bảo cho khoản vay trên.

Sau khi ký hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giao đủ số tiền vay là 400.000.000đ cho ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 29/12/2017 ông T, bà Th mới chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng tổng số tiền lãi là 51.370.000đ, riêng tiền nợ gốc chưa thanh toán được số tiền nào. Quỹ tín dụng đã làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T, bà Th không có thiện chí trả nợ. Do ông T, bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 01/4/2018 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 400.000.000đ sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn ông T, bà Th có thanh toán cho Quỹ tín dụng thêm được số tiền lãi là 14.000.000đ (lần gần nhất là vào ngày 29/11/2018), quá trình từ đó đến nay Quỹ tín dụng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông T, bà Th vẫn không thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền còn nợ. Vì vậy Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà Th phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền gồm: nợ gốc 400.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 108.152.922đ (trống đó: nợ lãi trong hạn 5.163.333đ, nợ lãi quá hạn 102.989.589đ). Tổng cộng gốc và lãi là 508.152.922đ; ngoài ra yêu cầu buộc ông T, bà Th còn phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho bị đơn là ông Lê Đăng T

và bà Hoàng Thị Th, nhưng ông T và bà Th đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập tại nhà ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th vào ngày 13/5/2019 xác định: ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th đang có mặt tại địa phương; ông Lê Đăng T trình bày cho biết: vợ chồng ông có vay vốn của Quỹ tín dụng Thọ Hải, nhưng sự việc vay nợ là của Tín dụng Thọ Hải, không phải vay của Tòa án, vì vậy gia đình ông chỉ làm việc với Quỹ tín dụng Thọ Hải, không làm việc với Tòa án, không nhận giấy tờ gì của Tòa án, không viết gì, không ký gì; vợ chồng ông bà sẽ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng; Về án phí: buộc ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th, cư trú tại thôn 1, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T và bà Th đều vắng mặt không có lý do; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 2016-2-00730 ngày 27/12/2016 và các T liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng được Quỹ tín dụng nhân dân T và ông Lê Đăng T, bà Hoàng Thị Th tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 2016-2-00730 ngày 27/12/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Sau khi ký hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giao đủ số tiền vay là 400.000.000đ cho ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/12/2017 ông T, bà Th mới chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng tổng số tiền lãi là 51.370.000đ, riêng tiền nợ gốc chưa thanh toán được số tiền nào, như vậy là ông T và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng tín dụng (Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng tín dụng quy định: “trả lãi hàng tháng vào ngày vay và trả gốc vào ngày đến hạn” ; “Kỳ hạn trả nợ lần 1 = 200.000.000đ vào ngày 27/12/2017”), nên việc từ ngày 01/4/2018 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 400.000.000đ sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Quỹ tín dụng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông T và bà Th chỉ thanh toán cho Quỹ tín dụng thêm được số tiền lãi là 14.000.000đ (lần gần nhất là vào ngày 29/11/2018), còn toàn bộ số nợ gốc chưa thanh toán được số tiền nào.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2016-2-00730 ngày 27/12/2016 do ông T và bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu ông T và bà Th phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T buộc ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ gốc là 400.000.000đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng tín dụng lãi xuất các bên thỏa thuận là 1,15%/tháng tương đương 13,8%/năm, lãi xuất quá hạn 1,725%/tháng (bằng 150% lãi xuất trong hạn) tương đương 20,7%/năm. Xét thỏa thuận về lãi xuất của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Th mới trả lãi cho Quỹ tín dụng được số tiền 65.370.000đ, do đó buộc ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải trả cho Quỹ tín dụng tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2019) là 108.152.922đ (trong đó: nợ lãi trong hạn 5.163.333đ, nợ lãi quá hạn 102.989.589đ).

[4] Tổng cộng cả gốc và lãi ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T là 508.152.922đ.

[5] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng buộc ông T và bà Th phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong

toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật dân sự. Do đó, được chấp nhận.

[6] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BA 816658/2015/HĐTC ngày 28/12/2015 đối với thửa đất số 1448a, tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 816658 do UBND huyện Thọ Xuân cấp ngày 21/4/2010, địa chỉ thửa đất: thôn 1, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa mang tên người sử dụng đất là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th lập tại Văn phòng công chứng Thọ Xuân và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thọ Xuân là để đảm bảo cho việc ông T và bà Th vay tiền của Quỹ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng được ký kết trước đó giữa hai bên (hợp đồng tín dụng này hai bên đã thực hiện xong), không phải là để đảm bảo cho việc vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2016-2-00730 ngày 27/12/2016 như ý kiến người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng. Theo Điều 5 của Hợp đồng tín dụng 2016-2-00730 ngày 27/12/2016 quy định: “Hợp đồng thế chấp số 2016-2-00730 được các bên liên quan ký kết kèm theo HĐTD và là một bộ phận không thể tách rời của HĐTD này.”, nhưng thực tế giữa hai bên không ký kết Hợp đồng thế chấp số 2016-2-00730 như quy định tại hợp đồng tín dụng; hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Quỹ tín dụng nhân dân T không có yêu cầu xử lý T sản thế chấp, bị đơn là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T được chấp nhận, nên bị đơn là ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T,

Buộc ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tính đến ngày 28/6/2019 là 508.152.922đ (*năm trăm không tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc 400.000.000đ, nợ lãi trong hạn 5.163.333đ, nợ lãi quá hạn 102.989.589đ.

Kể từ ngày 29/6/2019 ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí: Ông Lê Đăng T và bà Hoàng Thị Th phải chịu 24.326.116đ (*hai mươi tư triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn một trăm mười sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.968.000đ (*mười triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001355 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến